

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ T,
TỈNH A GIAG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 309/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 19 – 8 – 2019

V/v ly hôn giữa
chị L và Ah Đ

**NHÂN DẠH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ T, TỈNH A GIAG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Kim Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Tám
2. Ông Nguyễn Văn Ngân

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bùi Văn Trường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú T, tỉnh A GiAg.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú T tham gia phiên tòa:

Ông Ngô Minh Đông – Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 8 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Phú T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 136/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2019 về trAh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2019/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Thị L – Sinh năm 1977 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 29, ấp Bình Tr, xã Bình L, huyện Châu Ph, tỉnh A GiAg.

2. Bị đơn: Ah Nguyễn Ngọc Đ – Sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Bình Tr, xã Bình Thạnh Đ, huyện có Phú T, tỉnh A GiAg.

NỘI D VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18-32019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đặng Thị L trình bày:

- Qua hệ hôn nhân: Sau khi tìm hiểu về tình cảm, năm 2000 chị và Ah Nguyễn Ngọc Đ tự nguyện tiến tới hôn nhân, năm 2006 đăng ký kết hôn tại Ủy bA nhân dân xã Bình Thạnh Đ, huyện Phú T, tỉnh A GiAg, Giấy chứng nhận kết hôn số 219 ngày 14-9-2006. Vợ chồng sống bình thường, cuối năm 2008 phát sinh mâu thuẫn do

không phù hợp tính tình, thường xuyên cãi nhau, chị bỏ về nhà mẹ ruột ở và từ đó đến nay vợ chồng ly thân. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị Đ ly hôn với Ah Nguyễn Ngọc Đ. Ngày 29-5-2019 chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn là Ah Nguyễn Ngọc Đ đã Đ Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không gửi ý kiến bằng văn bản, nên không có lời khai.

- Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thúy A, sinh ngày 29-3-2001; Nguyễn Minh SAg, sinh ngày 21-01-2006, hiện nay cháu A đã thành niên làm công nhân có thu nhập tự nuôi sống bản thân, đAg sống với chị, nên chị không có yêu cầu gì, cháu SAg đAg sống với Ah Đ, chị giao cháu SAg cho Ah Đ tiếp tục nuôi và chị cấp dưỡng nuôi con hàng tháng theo luật định đến khi cháu SAg thành niên, vì hiện nay chị sinh sống bằng nghề làm thuê, điều kiện kinh tế không có nhiều.

- Về chia tài sản và nợ chung: Không có.

Theo chị L trình bày mâu thuẫn vợ chồng có cha mẹ ruột tên Lê Thị P và cha mẹ chồng tên Nguyễn Văn C, Nguyễn Ngọc D biết, đề nghị Tòa án xác minh. Tòa án thu thập chứng cứ, tại biên bản xác minh ngày 14-6-2019 bà Nguyễn Thị Ngọc D cho biết bà là mẹ ruột của Ah Đ, vợ chồng Ah Đ, chị L đã ly thân 11 năm nay, không hàn gắn, bà đề nghị Tòa án cho Ah Đ và chị L ly hôn, hiện nay Ah Đ đAg sống chung với vợ chồng bà và Đ đAg nuôi con chung của Đ và L tên Nguyễn Minh SAg, sinh ngày 21-01-2006.

Tại Biên bản xác minh ngày 14-6-2019 bà Lê Thị P cho biết bà là mẹ ruột của chị L, sau khi cưới vợ chồng L, Đ sống hạnh phúc, đến năm 2008 vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi, L về sống chung với bà và vợ chồng ly thân từ đó đến nay, thời giA ly thân Đ không đến hàn gắn, bà đề nghị Tòa án cho L ly hôn với Đ. Vợ chồng L, Đ có 01 con chung tên Nguyễn Minh SAg, sinh ngày 21-01-2006, hiện nay cháu SAg đAg sống với Đ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật riêng Ah Nguyễn Ngọc Đ đã là bị đơn đã Đ Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do, cho thấy Ah Đ chấp hành nghĩa vụ tố tụng dân sự chưa nghiêm. Về nội D, chị L yêu cầu ly hôn Ah Đ, quá trình chung sống vợ chồng mâu thuẫn, cha mẹ hai bên cũng đề nghị Tòa án cho ly hôn; về nuôi con chung chị L giao cháu SAg cho Ah Đ tiếp tục nuôi, chị cấp dưỡng nuôi con hàng tháng theo luật định. Xét yêu cầu của chị L phù hợp với Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Đặng Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn với Ah Nguyễn Ngọc Đ, Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Ah Đ (là bị đơn) đã Đ Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị L và Ah Đ.

[2] Về nội D:

[3] Hôn nhân của chị L và Ah Đ là hợp pháp, vì Ah chị có đăng ký kết hôn. Xét tình trạng hôn nhân của Ah chị thấy rằng vợ chồng mâu thuẫn và có thời giA dài ly thân từ năm 2008 đến nay, thời giA ly thân vợ chồng không gặp nhau hàn gắn, cha mẹ hai bên cũng nhận thấy Ah chị không thể trở lại sống chung và đề nghị Tòa án cho ly hôn. Từ đó, cho thấy hôn nhân của Ah chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt Đ. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị L và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cho ly hôn giữa chị L và Ah Đ.

[4] Về nuôi con chung: Cháu Nguyễn Thị Thúy A đã thành niên, làm công nhân tự nuôi sống bản thân, chị L không có yêu cầu gì, nên không đề cập; đối với cháu SAg đAg sống với Ah Đ, chị L giao cháu SAg cho Ah Đ tiếp tục nuôi và chị cấp dưỡng nuôi con hàng tháng theo quy định của pháp luật, cháu SAg sống với Ah Đ ổn định và cũng có nguyện vọng sống với Ah Đ. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L, giao cháu SAg cho Ah Đ trực tiếp nuôi và chị L phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng theo quy định của pháp luật, mức cấp dưỡng theo quy định không dưới nửa tháng lương cơ sở, mức lương cơ sở hiện nay là 1.490.000đ/tháng, nên mức cấp dưỡng mỗi tháng là 750.000đ cho đến khi cháu SAg thành niên, cấp dưỡng lần đầu khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[5] Căn cứ khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và Gia đình chị L không trực tiếp nuôi con, chị có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai Đ cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về chia tài sản: Không có, Tòa án không đề cập.

[7] Về nợ chung: Ghi nhận chị L xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[8] Về án phí sơ thẩm, căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án chỉ L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. QuA hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đặng Thị L và Ah Nguyễn Ngọc Đ. Giấy chứng nhận kết hôn số 219 ngày 14-9-2006 của Ủy ban nhân dân xã Bình Thạnh Đông, huyện Phú Tân, tỉnh A GiAg không còn giá trị pháp lý.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung tên Nguyễn Minh SAg, sinh ngày 21-01-2006 cho Ah Nguyễn Ngọc Đ nuôi dưỡng, hiện nay Ah Đ đAg nuôi cháu SAg.

2.2. Chị Đặng Thị L cấp dưỡng nuôi cháu SAg mỗi tháng 750.000đ đến khi cháu SAg thành niên, thực hiện cấp dưỡng lần đầu khi bản án có hiệu lực háp luật.

2.2. Chị Đặng Thị L không trực tiếp nuôi con, chị có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai Đ cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: Không có.

Về nợ chung: Ghi nhận chị L xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

4. Về án phí, chị Đặng Thị L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000đ và án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000đ, tổng cộng chị L phải chịu án phí 600.000đ, Đ trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0005612 ngày 28-3-2019, còn lại 300.000đ chị L tiếp tục nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh A giAg.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận Đ bản án hoặc bản án Đ niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định Đ thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người Đ thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án Đ thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú T;
- Cơ quA Thi hành án huyện;
- UBND xã Bình Thạnh Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Kim Phương
